| | |
|---|---|
| **TÒA ÁN NHÂN DÂN**<br>**TỈNH BẾN TRE** | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**<br>**Độc lập - Tự do - hạnh phúc** |

Bản án số: 170/2024/DS-PT
Ngày 01-3-2024
V/v tranh chấp hợp đồng góp hụi

**NHÂN DANH**
**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH BẾN TRE**

***- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có*:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Huỳnh Ngọc Dũng

*Các Thẩm phán*: Ông Phan Thanh Tòng

Bà Nguyễn Thị Rẻn

***- Thư ký phiên tòa***: Ông Võ Tấn Vũ - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Bến Tre.

***- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Bến Tre tham gia phiên tòa***: Bà Lê Thị Ngọc Phấn - Kiểm sát viên.

Ngày 01 tháng 3 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Bến Tre xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 572/2023/TLPT-DS ngày 07/12/2023 về "Tranh chấp hợp đồng góp hụi".

Do Bản án dân sự sơ thẩm số: 78/2023/DS-ST ngày 20/9/2023 của Tòa án nhân dân huyện Ba Tri bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 471/2024/QĐ-PT ngày 02/02/2024 giữa các đương sự:

*1. Nguyên đơn*: Bà Nguyễn Thị T, sinh năm 1970

Địa chỉ: Ấp A, xã A, huyện B, tỉnh Bến Tre.

*Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn:* Anh Võ Trần D, sinh năm 1992

Địa chỉ: Ấp H, xã H, huyện G, tỉnh Bến Tre.

*2. Bị đơn*:

2.1. Chị Đào Thị Mỹ L, sinh năm 1982

2.2. Anh Thái Bảo D1, sinh năm 1980

Cùng địa chỉ: Ấp P, xã P, huyện B, tỉnh Bến Tre.

*3. Người kháng cáo*: Bị đơn chị Đào Thị Mỹ L.

## NỘI DUNG VỤ ÁN:

*Theo đơn khởi kiện của nguyên đơn bà Nguyễn Thị T và trong quá trình tố tụng, người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn trình bày:*

Bà T tham gia chơi hụi do chị Đào Thị Mỹ L (tên thường gọi là L1) làm chủ hụi, cụ thể:

Dây hụi khui ngày 30/4/2021 âm lịch, loại hụi 5.000.000 đồng, có 21 phần, mỗi tháng đóng từ 3.900.000 đồng đến 4.000.000 đồng; dây hụi này bà T chơi 01 phần và mua lại của chị P (T1) 01 phần. Phần bà T chơi thì bà T hốt vào tháng thứ 21 (hốt chót), số tiền hụi bà T hốt được 100.000.000 đồng, trừ đầu thảo 2.500.000 đồng còn lại 97.500.000 đồng. Phần hụi bà T mua thì hốt vào tháng thứ 19, số tiền hụi bà T hốt 98.000.000đ trừ đầu thảo 2.500.000 đồng, trừ 2 tháng hụi chết bà T chưa đóng là 10.000.000 đồng nên bà T được nhận 85.500.000 đồng. Tổng dây hụi này thì chị L chưa giao cho bà T số tiền 183.000.000 đồng.

Dây hụi khui ngày 30/10/2022 âm lịch, loại hụi 10.000.0000 đồng, bà T tham gia 02 phần, đã đóng 05 tháng tổng cộng 80.000.000 đồng.

Đồng thời, trước đây bà T có chơi hụi và hụi đã mãn nhưng chị L không giao tiền hụi cho bà T mà chị L viết biên nhận nợ số tiền 370.000.000 đồng hẹn ngày 01/3/2023 giao nhưng chị L không giao.

Anh D1 là chồng chị L, biết chị L chơi hụi, anh D1 có đi góp tiền hụi thay chị L và việc chơi hụi nhằm trang trải sinh hoạt trong gia đình.

Do đó, bà T yêu cầu chị L, anh D1 liên đới trả số tiền hụi, cụ thể: Dây hụi khui ngày 30/4/2021 âm lịch số tiền 183.000.000 đồng, tiền lãi 6.075.600 đồng (tính lãi từ ngày 30/01/2023 đến ngày 30/4/2023 âm lịch là 04 tháng, mức lãi suất 0.83%/tháng). Dây hụi khui ngày 30/10/2022 âm lịch, số tiền 80.000.000 đồng. Tiền hụi 370.000.000 đồng, tiền lãi 15.355.000 đồng (tính lãi từ ngày 05/01/2023 đến ngày 05/5/2023 âm lịch là 05 tháng, mức lãi suất 0.83%/tháng). Tổng cộng 654.430.600 đồng (tiền hụi 633.000.000 đồng, tiền lãi 21.430.600 đồng), trong quá trình giải quyết vụ án chị L đã trả 40.000.000 đồng nên số tiền còn thiếu là 614.430.600 đồng.

*Trong quá trình tố tụng, bị đơn chị Đào Thị Mỹ L trình bày:*

Dây hụi 20.000.000 đồng, khui ngày nào chị không nhớ, dây hụi này có 19 phần, bà T tham gia 02 phần. Bà T hốt 01 phần và bà T đã đóng hụi chết đủ. Còn 01 phần bà T đóng tới 04/02/2023 (âm lịch) là tháng cuối của dây hụi (hụi mãn), mỗi tháng bà T đóng 16.000.000 đồng. Tổng cộng số tiền bà T đóng là 304.000.000 đồng, chị xin trả vốn là 304.000.000 đồng.

Dây hụi 10.000.000 đồng, khui tháng 10/2022, dây hụi này 21 phần, bà T tham gia 02 phần. Mỗi tháng đóng 16.000.000 đồng, đóng 05 tháng là 80.000.000 đồng. Dây hụi mãn vào tháng 7/2024, do hụi viên xin xả hụi nên chị trả lại số tiền bà T đã đóng.

Dây hụi 5.000.000 đồng, khui ngày nào không nhớ, dây hụi này 21 phần, bà T tham gia 02 phần. Bà T đóng mỗi tháng 8.000.0000 đồng, bà T đóng được 19 tháng. Tổng số tiền bà T đóng 152.000.000 đồng. Dây hụi mãn vào tháng 4/2023.

Do các hụi viên không đóng và xin trả dần nên chị xin trả số tiền thực tế bà T đã đóng, không tính lãi và xin trả dần hàng tháng 5.000.000 đồng.

Số tiền hụi không liên quan tới anh Thái Bảo D1 vì anh D1 không biết, chị có nhờ anh D1 đi góp hụi nhưng anh D1 không biết việc giao dịch giữa chị với bà T.

*Trong quá trình tố tụng, bị đơn anh Thái Bảo D1 trình bày:*

Tiền hụi bà T tranh chấp với chị L không liên quan đến anh. Do không liên quan nên anh xin Tòa án giải quyết vắng mặt.

Do hòa giải không thành, Tòa án nhân dân huyện Ba Tri đã đưa vụ án ra xét xử.

Tại Bản án dân sự sơ thẩm số: 78/2023/DS-ST ngày 20/9/2023 của Tòa án nhân dân huyện Ba Tri đã áp dụng Điều 227, 228, 229 Bộ luật Tố tụng Dân sự; Điều 471, 468 Bộ luật Dân sự; Điều 18, 21, 22, 23 Nghị định số 19/2019/NĐ-CP ngày 19/02/2019 của Chính phủ; Điều 27 Luật Hôn nhân và Gia đình; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án tuyên xử:

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Nguyễn Thị T. Buộc bị đơn chị Đào Thị Mỹ L, anh Thái Bảo D1 liên đới trả cho nguyên đơn bà Nguyễn Thị T số tiền hụi 593.000.000đ (Năm trăm chín mươi ba triệu đồng) và số tiền lãi 15.288.600đ (Mười lăm triệu hai trăm tám mươi tám nghìn sáu trăm đồng).

2. Không chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Nguyễn Thị T về việc yêu cầu bị đơn chị Đào Thị Mỹ L, anh Thái Bảo D1 liên đới trả tiền lãi 6.142.000đ (Sáu triệu một trăm bốn mươi hai nghìn đồng).

Ngoài ra, bản án còn tuyên về án phí, nghĩa vụ chậm thi hành án và quyền kháng cáo của các đương sự.

Ngày 05/10/2023, bị đơn chị Đào Thị Mỹ L kháng cáo bản án sơ thẩm, nội dung kháng cáo đề nghị cấp phúc thẩm sửa bản án sơ thẩm, bị đơn không đồng ý tính lãi, bị đơn chỉ đồng ý trả lại số tiền gốc mà nguyên đơn đã đóng và xin được trả dần mỗi tháng 5.000.000 đồng cho đến khi hết số tiền nợ.

Tại phiên tòa phúc thẩm, bị đơn giữ nguyên nội dung kháng cáo, chị L trình bày: Do hụi viên xin xả hụi nên chị xin được trả lại số tiền hụi mà bà T đã đóng là 536.000.000 đồng, không đồng ý trả tiền hụi có lãi với số tiền 593.000.000 đồng theo yêu cầu của nguyên đơn. Đồng thời, chị xin được trả dần 5.000.000 đồng/tháng cho đến khi hết số tiền nợ hụi.

Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn không đồng ý với kháng cáo của chị L, đề nghị Hội đồng xét xử giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Kiểm sát viên Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bến Tre tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến:

Về tố tụng: Về cơ bản những người tiến hành tố tụng, những người tham gia

tố tụng đã tuân thủ đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015. Riêng anh D1 được triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vắng mặt là không thực hiện đúng nghĩa vụ của đương sự.

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015, không chấp nhận kháng cáo của chị Đào Thị Mỹ L, giữ nguyên Bản án sơ thẩm số: 78/2023/DS-ST ngày 20/9/2023 của Tòa án nhân dân huyện Ba Tri.

## NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ đã được thẩm tra công khai tại phiên tòa; kết quả tranh tụng tại phiên tòa; ý kiến đề nghị của Kiểm sát viên; xét kháng cáo của chị Đào Thị Mỹ L; Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Bị đơn anh Thái Bảo D1 được triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vắng mặt không rõ lý do, không có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt nên căn cứ khoản 3 Điều 296 Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015, cấp phúc thẩm xét xử vắng mặt anh D1.

[2] Về nội dung:

[2.1] Các bên đương sự trình bày thống nhất từ năm 2021 đến năm 2023 chị L có tổ chức nhiều dây hụi do chị làm chủ hụi, bà T đã tham gia các dây hụi với tư cách là hụi viên. Đối với dây hụi 5.000.000 đồng, mở ngày 30/4/2021 âm lịch, có 21 phần, hụi mãn ngày 30/12/2022, bà T tham gia 01 phần và mua 01 phần, bà T đã hốt hụi vào kỳ thứ 19 và kỳ thứ 21. Theo đó, bà T sẽ được nhận tổng số tiền 193.000.000 đồng. Trong quá trình giải quyết, bà T thừa nhận còn nợ chị L 02 tháng tiền hụi chết chưa đóng nên đồng ý trừ 10.000.000 đồng, số tiền còn lại là 183.000.000 đồng. Đối với dây hụi 10.000.000 đồng, mở ngày 30/10/2022 âm lịch, có 21 phần, kết thúc vào ngày 30/7/2024, bà T tham gia 02 phần, đã đóng 05 tháng với số tiền 80.000.000 đồng. Đồng thời, theo biên nhận nợ ngày 05/01/2023 (âm lịch) do chị L viết và ký tên thì chị L còn nợ tiền hụi bà T với số tiền 370.000.000 đồng và cam kết trả vào ngày 01/3/2023 (âm lịch). Như vậy, theo sự thống nhất của chị L và bà T thì chị L phải có nghĩa vụ giao trả cho bà T tổng số tiền là 633.000.000 đồng.

Bà T cho rằng đã nhiều lần yêu cầu chị L trả số tiền hụi trên, đến nay chị L chỉ trả cho bà 40.000.000 đồng, còn nợ lại 593.000.000 đồng nên yêu cầu trả số tiền này, đồng thời yêu cầu tính lãi do chị Liên c thực hiện nghĩa vụ trả tiền. Trong khi đó, bị đơn chị L chỉ đồng ý trả số tiền gốc mà bà T đã đóng là 536.000.000 đồng và xin trả dần mỗi tháng 5.000.000 đồng cho đến khi hết nợ.

[2.2] Theo sự thừa nhận của chị L, hiện tại các dây hụi bà T tham gia đã mãn hoặc kết thúc (hụi viên thống nhất xả hụi), bà T đã thực hiện đầy đủ nghĩa vụ của hụi viên, chị L đã nhận đủ tiền do bà T đóng. Do đó, yêu cầu khởi kiện đòi lại số tiền hụi 593.000.000 đồng là phù hợp với quy định tại Điều 15, Điều 19 Nghị định 19/2019/NĐ-CP ngày 19/02/2019 của Chính phủ về họ, hụi, biêu, phường. Chị L kháng cáo xin trả lại số tiền gốc mà bà T đã đóng là không có căn cứ bởi vì các dây

hụi này là hụi có lãi, chị L đã hưởng hoa hồng đầy đủ theo thỏa thuận. Việc yêu cầu chỉ trả lại số tiền gốc mà bà T đã đóng của chị L không phù hợp với thỏa thuận giữa các bên khi chơi hụi, ảnh hưởng đến quyền và lợi ích hợp pháp của bà T nên không được chấp nhận.

[2.3] Về yêu cầu tính lãi: Căn cứ các Điều 21, Điều 22, Điều 23 Nghị định 19/2019/NĐ-CP ngày 19/02/2019 của Chính phủ thì *"Trường hợp đến kỳ mở họ mà chủ họ không giao hoặc giao không đầy đủ các phần họ cho thành viên được lĩnh họ thì phải trả lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả. Lãi suất phát sinh do chậm giao phần họ được xác định theo thỏa thuận của các bên nhưng không được vượt quá mức lãi suất giới hạn quy định tại khoản 1 Điều 21 của Nghị định 19/2019/NĐ-CP ngày 19/02/2019 của Chính phủ của số tiền chậm trả trên thời gian chậm trả. Lãi suất được xác định theo quy định tại khoản 1 Điều 468 của Bộ luật Dân sự"*. Đối chiếu với quy định trên, ngoài việc chị L giao trả tiền hụi cho bà T thì còn phải trả tiền lãi chậm trả tương ứng với thời gian chậm thực hiện nghĩa vụ. Cụ thể, chị L phải chịu tiền lãi với mức lãi suất 0,83%/tháng đối với số tiền 183.000.000 đồng (từ ngày mãn hụi 30/01/2023 đến ngày 30/4/2023 âm lịch) và số tiền 370.000.000 đồng (từ ngày vi phạm thỏa thuận trả tiền 02/3/2023 đến ngày 05/5/2023 âm lịch). Do đó, cấp sơ thẩm buộc chị L giao trả cho bà T tiền hụi 593.000.000 đồng và tiền lãi 15.288.600 đồng là có căn cứ.

[2.4] Về trách nhiệm liên đới: Anh Duy và chị L là vợ chồng hợp pháp, việc chị L tổ chức chơi hụi trong thời kỳ hôn nhân, anh D1 sống chung với nhà với chị L và biết việc chị L tổ chức chơi hụi. Số tiền thu nhập từ việc chơi hụi thì chị Liên chi t cho sinh hoạt thiết yếu trong gia đình. Do đó, anh D1 phải có trách nhiệm liên đời cùng chị L trả nợ từ các dây hụi do chị L tổ chức.

[2.5] Đối với yêu cầu xin trả dần: Nhận thấy, pháp luật hiện hành không có quy định về việc trả dần, đồng thời nguyên đơn không đồng ý với yêu cầu xin trả dần của bị đơn nên kháng cáo của bị đơn không có cơ sở để chấp nhận.

Từ những nhận định trên, cấp sơ thẩm chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là phù hợp, kháng cáo của bị đơn không có căn cứ nên không được chấp nhận.

[3] Đề nghị của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bến Tre phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

[4] Về án phí phúc thẩm: Do kháng cáo không được chấp nhận nên chị Đào Thị Mỹ L phải chịu án phí theo quy định.

Vì các lẽ trên,

## QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015;

Không chấp nhận kháng cáo của chị Đào Thị Mỹ L;

Giữ nguyên Bản án sơ thẩm số: 78/2023/DS-ST ngày 20/9/2023 của Tòa án nhân dân huyện Ba Tri, tỉnh Bến Tre.

Áp dụng Điều 227, 228, 229 Bộ luật Tố tụng Dân sự; Điều 471, 468 Bộ luật Dân sự; Điều 18, 21, 22, 23 Nghị định số 19/2019/NĐ-CP ngày 19/02/2019 của Chính phủ về họ, hụi, biêu, phường; Điều 27 Luật Hôn nhân và Gia đình; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

[1] Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Nguyễn Thị T.

Buộc bị đơn chị Đào Thị Mỹ L, anh Thái Bảo D1 có nghĩa vụ liên đới trả cho nguyên đơn bà Nguyễn Thị T số tiền hụi 593.000.000đ (Năm trăm chín mươi ba triệu đồng) và số tiền lãi 15.288.600đ (Mười lăm triệu hai trăm tám mươi tám nghìn sáu trăm đồng).

Kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

[2] Không chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Nguyễn Thị T về việc yêu cầu bị đơn chị Đào Thị Mỹ L, anh Thái Bảo D1 có nghĩa vụ liên đới trả số tiền lãi 6.142.000đ (Sáu triệu một trăm bốn mươi hai nghìn đồng).

[3] Về án phí:

[3.1] Án phí sơ thẩm:

Buộc chị Đào Thị Mỹ L, anh Thái Bảo D1 phải chịu 28.331.500đ (Hai mươi tám triệu ba trăm ba mươi mốt nghìn năm trăm đồng).

Buộc bà Nguyễn Thị T chịu 307.000đ (Ba trăm lẻ bảy nghìn đồng) nhưng được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp 15.253.000đ (Mười lăm triệu hai trăm năm mươi ba nghìn đồng) theo biên lai thu tiền số 0006364 ngày 31/5/2023 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Ba Tri. H lại cho bà Nguyễn Thị T số tiền 14.946.000đ (Mười bốn triệu chín trăm bốn mươi sáu nghìn đồng).

[3.2] Án phí phúc thẩm: Buộc chị Đào Thị Mỹ L phải chịu 300.000 đồng nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí tòa án số 0001405 ngày 05 tháng 10 năm 2023 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Ba Tri, tỉnh Bến Tre.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 của Luật Thi

hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

***Nơi nhận:***
- VKSND tỉnh Bến Tre;
- TAND huyện Ba Tri;
- Chi cục THADS huyện Ba Tri;
- Phòng KTNV&THA TAND tỉnh;
- Các đương sự;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM**
**THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Huỳnh Ngọc Dũng**